

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI**

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

CÁC CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành: 7340101

- 1. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VẬN TẢI (7340101.01)**
- 2. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG (7340101.02)**
- 3. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BCVT (7340101.03)**
- 4. QUẢN TRỊ KINH DOANH GTVT (7340101.04)**
- 5. QUẢN TRỊ LOGICTISC (7340101.05)**

Hà Nội, 1-2018

CHUẨN ĐẦU RA

I. NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Tên ngành đào tạo: *Quản Trị Kinh Doanh*

2. Mã ngành: **7340101**

3. Trình độ đào tạo: **Đại học**

4. Chuẩn đầu ra:

4.1. Chuẩn về kiến thức

4.1.1. Tri thức chuyên môn

(1) Tri thức cơ bản

- Nắm vững nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành quản trị kinh doanh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Nắm vững kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục.

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao và quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

- Hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

(2) Tri thức chuyên sâu

- Có kiến thức chuyên sâu về hoạt động quản trị kinh doanh tổng hợp gắn với chuyên ngành đào tạo;

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh như quản trị dự án đầu tư; kỹ năng khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh; khảo sát, phân tích đánh giá định tính và định lượng chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng và phân tích các báo cáo tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và chức năng thực hiện về nhân sự, tiền lương, lao động trong doanh nghiệp.

4.1.2. Năng lực nghề nghiệp

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; có khả năng tự định hướng và thích ứng với yêu cầu phát triển của đất nước.

4.2. Chuẩn về kỹ năng

4.2.1. Kỹ năng cứng

(1) Kỹ năng chuyên môn

- Có kỹ năng hoàn thành công việc đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành quản trị kinh doanh trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực hoạt động quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

- Có kỹ năng tư duy một cách hệ thống, phân tích vấn đề theo logic có so sánh dưới nhiều góc độ trong môi trường kinh doanh biến động;

- Có khả năng nhận biết và phân tích môi trường kinh doanh bên trong và bên ngoài doanh nghiệp tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh hội nhập kinh tế quốc tế đầy biến động.

- Biết tiếp cận các vấn đề quản trị kinh doanh trong bối cảnh chịu sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập kinh tế quốc tế; trong mối quan hệ với thể chế kinh tế ở Việt Nam và truyền thống văn hóa của người Việt;

(2) Năng lực thực hành nghề nghiệp

- Năng lực vận dụng hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh được trang bị để phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Năng lực phân tích, hoạch định, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng và lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung;

(3) Kỹ năng xử lý tình huống

- Có bản lĩnh nghề nghiệp, có khả năng thích ứng linh hoạt trước diễn biến của thực tiễn;

- Từng bước hình thành năng lực sáng tạo, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

(4) Kỹ năng giải quyết vấn đề

- Có kỹ năng nhận diện và giải quyết một cách có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Kỹ năng xác định và giải quyết vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau trong cuộc sống.

4.2.2. Kỹ năng mềm

(1) Kỹ năng giao tiếp

- Lựa chọn và sử dụng các hình thức giao tiếp hiệu quả, phù hợp với mục tiêu, nội dung, đối tượng giao tiếp, hoàn cảnh giao tiếp trong môi trường quốc tế;
- Giao tiếp thành thục bằng ngôn ngữ tiếng Việt, tạo lập được các văn bản mức cơ bản;
- Có kỹ năng trình bày, giải thích những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo kinh tế kỹ thuật theo quy chuẩn pháp luật hiện hành trong nước và thông lệ quốc tế.

(2) Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Có kỹ năng tổ chức nhóm làm việc;
- Có kỹ năng hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp;
- Chấp nhận sự khác biệt vì mục tiêu chung.

(3) Khả năng sử dụng ngoại ngữ

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể và nghe, nói, đọc hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn;
- Đạt chuẩn ngoại ngữ bậc 3 theo khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

(4) Khả năng sử dụng tin học

- Có khả năng sử dụng thành thạo tin học ứng dụng văn phòng như: Có thể dùng thành thạo phần mềm Microsoft Office và phần mềm thống kê, có thể sử dụng thành thạo Internet và các thiết bị văn phòng.

(5) Các kỹ năng cá nhân

- Nắm vững và thực hiện được kỹ năng tự chủ trong các hoạt động chuyên môn;
- Thực hiện được kỹ năng thích ứng với sự phức tạp của hoàn cảnh thực tế;
- Có kỹ năng quản lý thời gian đáp ứng công việc;

4.3. Chuẩn về thái độ

4.3.1. Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân

(1) Phẩm chất đạo đức

- Sẵn sàng đương đầu với các khó khăn, chấp nhận rủi ro, kiên trì nỗ lực để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Độc lập trong suy nghĩ, mạnh dạn trong hành động và luôn tìm tòi, sáng tạo và trung thực trong học tập và nghiên cứu cũng như làm việc sau khi ra trường.

- Có tư duy phản biện luôn được khuyến khích trong tiếp cận và xử lý các vấn đề để nắm bắt chủ động, toàn diện và khách quan các kiến thức.

(2) Ý thức nghề nghiệp

- Có tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ nghiêm túc các quy định. Đồng thời phải tôn trọng, lắng nghe các ý kiến của các đồng nghiệp, cấp trên. Tuy nhiên cần luôn chủ động, sáng tạo trong cách làm, cách nghĩ để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị.

(3) Trách nhiệm công dân

- Tôn trọng và thực hiện đúng quy định pháp luật của Nhà nước và các chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống cũng như trong hoạt động kinh doanh. Có bản lĩnh đấu tranh những vấn đề vi phạm pháp luật và vi phạm các chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống và kinh doanh.

4.3.2. Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Có hành vi và lời nói chuẩn mực; kiên định và trung thực; năng động, nhiệt tình và có tinh thần hợp tác trong công việc; biết lắng nghe và phản biện;

- Chuyên nghiệp và chủ động trong công việc; dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc.

4.3.2. Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

- Khả năng cập nhật kiến thức, độc lập nghiên cứu và tự học để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Tự chủ và sáng tạo trong xử lý tình huống công việc.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo

- Tham khảo chương trình đào tạo của của các trường đại học có uy tín về Quản trị kinh doanh nói chung và trong lĩnh vực giao thông vận tải trong và ngoài nước như: Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng; Đại học Hàng Hải, Đại học Kinh tế của Đại học Quốc gia Hà Nội...

- Sử dụng tài liệu chuẩn mực quốc tế về tổ chức quản trị doanh nghiệp nói chung và quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực giao thông vận tải nói riêng.

- Các báo cáo chính thống của các tổ chức uy tín trên thế giới về lĩnh vực Quản trị kinh doanh như: WB, IMF, ADB, Liên Hợp Quốc...

II. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VẬN TẢI

1. Tên chuyên ngành: *Quản Trị Doanh nghiệp vận tải*

2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành (về kiến thức)

(1) Kiến thức cơ bản

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục.

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc.

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

- Ứng dụng các công thức về toán và khoa học cơ bản vào phân tích kinh doanh;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao và quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

(2) Kiến thức chuyên sâu

Kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp vận tải và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp vận tải

- Quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp vận tải;

- Kỹ năng khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh;

- Khảo sát, phân tích đánh giá định tính và định lượng chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp vận tải;

- Xây dựng và phân tích các báo cáo tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và chức năng thực hiện về: Nhân sự, tiền lương, lao động.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên ra trường có đủ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản và kỹ năng mềm để làm việc tại các doanh nghiệp vận tải và các doanh nghiệp có hoạt

động liên quan đến hoạt động vận tải thuộc các hình thức pháp lý và sở hữu trong và ngoài nước.

- Sinh viên cũng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước như sở Giao thông vận tải, các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Giao thông vận tải... Ngoài ra, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp vận tải sau khi ra trường có nhiều cơ hội để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước để đạt được các trình độ (học vị) cao hơn:

- Đối với các chương trình nước ngoài: Cử nhân có thể học các ngành có liên quan tới Quản lý kinh tế; Tổ chức và quản lý vận tải; Quản trị kinh doanh, Logistics, phát triển bền vững... tại các trường thuộc tại các quốc gia phát triển như Pháp, Anh, Mỹ, Đức... để nhận học vị Thạc Sĩ, Tiến Sĩ.

- Đối với các chương trình trong nước: Cử nhân của ngành hoàn toàn đủ điều kiện để tham gia các khóa học cao hơn ở các Trường đại học uy tín trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương mại... cho các ngành về: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Giao nhận, Vận tải, Logistics... Tại trường Đại học Giao thông vận tải cử nhân ngành Quản trị doanh nghiệp vận tải có thể học lên cao học Quản trị kinh doanh ngay sau khi ra trường.

III. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

1. Tên chuyên ngành đào tạo: *Quản Trị doanh nghiệp xây dựng*

2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành (về kiến thức)

Chuẩn về kiến thức bao gồm chuẩn đầu ra cho các khối kiến thức như sau:

(1) Kiến thức cơ bản

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục.

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc.

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

- Ứng dụng các công thức về toán và khoa học cơ bản vào phân tích kinh doanh;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao và quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

(2) Kiến thức chuyên sâu

Kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp xây dựng và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp xây dựng:

- Quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp xây dựng;

- Kỹ năng khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh;

- Khảo sát, phân tích đánh giá định tính và định lượng chất lượng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp xây dựng;

- Xây dựng và phân tích các báo cáo tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và chức năng thực hiện về: Nhân sự, tiền lương, lao động.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên ra trường có đủ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản và kỹ năng mềm để làm việc tại các doanh nghiệp xây dựng và các doanh nghiệp có hoạt

động liên quan đến lĩnh vực xây dựng thuộc các hình thức pháp lý và sở hữu trong và ngoài nước.

- Sinh viên cũng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước như sở Giao thông vận tải, các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Giao thông vận tải... Ngoài ra, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp xây dựng sau khi ra trường có nhiều cơ hội để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước để đạt được các trình độ (học vị) cao hơn:

- Đối với các chương trình nước ngoài: Cử nhân có thể học các ngành có liên quan tới Quản lý kinh tế; Quản trị doanh nghiệp xây dựng; Quản trị kinh doanh, Logistics, phát triển bền vững... tại các trường thuộc tại các quốc gia phát triển như Pháp, Anh, Mỹ, Đức... để nhận học vị Thạc Sĩ, Tiến Sĩ.

- Đối với các chương trình trong nước: Cử nhân của ngành hoàn toàn đủ điều kiện để tham gia các khóa học cao hơn ở các Trường đại học uy tín trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương mại... cho các ngành về: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Giao nhận, Vận tải, Logistics... Tại trường Đại học Giao thông vận tải cử nhân ngành Quản trị doanh nghiệp xây dựng có thể học lên cao học Quản trị kinh doanh ngay sau khi ra trường.

IV. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH GTVT

1. Tên chuyên ngành đào tạo: *Quản Trị kinh doanh GTVT*

2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành (về kiến thức)

Chuẩn về kiến thức bao gồm chuẩn đầu ra cho các khối kiến thức như sau:

(1) Kiến thức cơ bản

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục.

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc.

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

- Ứng dụng các công thức về toán và khoa học cơ bản vào phân tích kinh doanh;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao và quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

(2) Kiến thức chuyên sâu

Kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh GTVT và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh GTVT

- Quản trị dự án đầu tư giao thông vận tải;

- Kỹ năng khởi nghiệp và lập kế hoạch kinh doanh;

- Khảo sát, phân tích đánh giá định tính và định lượng chất lượng nguồn nhân lực;

- Xây dựng và phân tích các báo cáo tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh giao thông vận tải;

- Phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và chức năng thực hiện về: Nhân sự, tiền lương, lao động.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên ra trường có đủ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản và kỹ năng mềm để làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực giao thông vận tải thuộc các hình thức pháp lý và sở hữu trong và ngoài nước.

- Sinh viên cũng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước như sở Giao thông vận tải, các Viện nghiên cứu trực thuộc Bộ Giao thông vận tải... Ngoài ra, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên sau khi ra trường có nhiều cơ hội để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước để đạt được các trình độ (học vị) cao hơn:

- Đối với các chương trình nước ngoài: Cử nhân có thể học các ngành có liên quan tới Quản lý kinh tế; Tổ chức và quản lý vận tải; Quản trị kinh doanh, Logistics, phát triển bền vững... tại các trường thuộc tại các quốc gia phát triển như Pháp, Anh, Mỹ, Đức... để nhận học vị Thạc Sĩ, Tiến Sĩ.

- Đối với các chương trình trong nước: Cử nhân của ngành hoàn toàn đủ điều kiện để tham gia các khóa học cao hơn ở các Trường đại học uy tín trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương mại... cho các ngành về: Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Quản lý xây dựng, Kinh tế vận tải, Thương mại, Giao nhận, Vận tải, Logistics... Tại trường Đại học Giao thông vận tải cử nhân ngành Quản trị kinh doanh GTVT có thể học lên cao học Quản trị kinh doanh ngay sau khi ra trường.

V. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LOGISTICS

1. Tên chuyên ngành đào tạo: *Quản trị Logistics*

2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành (về kiến thức)

(1) Kiến thức cơ bản

- Vận dụng được các kiến thức về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp giáo dục.

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ Tổ quốc.

- Cập nhật được các thành tựu mới của công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng được các công nghệ và các thiết bị hiện đại trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác chuyên môn;

- Ứng dụng các công thức về toán và khoa học cơ bản vào phân tích kinh doanh;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao và quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng.

(2) Kiến thức chuyên sâu

Kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học như kiến thức chuyên ngành quản trị logistics, và bổ trợ bao gồm cả kiến thức thực tập và tốt nghiệp

Các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị logistics:

- Cơ sở hạ tầng và cơ sở pháp lý của logistics;

- Quản trị logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Quản lý các hoạt động logistics: thu mua, phân phối, vận tải, kho bãi, dự trữ, thông tin, ...

- Các nghiệp vụ logistics cơ bản: giao nhận hàng hóa, hải quan, kho bãi, ...

- Quản lý khai thác đầu mối logistics và quản trị doanh nghiệp logistics.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên ra trường có đủ kiến thức chuyên môn, các kỹ năng cơ bản và kỹ năng mềm để làm việc tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics và các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ và các đơn vị khác khác (phòng logistics, cán bộ logistics) thuộc các hình thức pháp lý và sở hữu trong và ngoài nước.

- Sinh viên cũng có thể làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước như sở giao thông vận tải, Sở công thương, các đơn vị đào tạo về logistics, viện nghiên cứu

trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công thương,... Ngoài ra, sinh viên có thể khởi nghiệp kinh doanh.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Sinh viên chuyên ngành Quản trị logistics sau khi ra trường có nhiều cơ hội để tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trong và ngoài nước để đạt được các trình độ (học vị) cao hơn:

- Đối với các chương trình nước ngoài: Cử nhân có thể học các ngành có liên quan tới Quản lý kinh tế; Logistics; Quản trị chuỗi cung ứng; Quản trị kinh doanh, Kinh tế vận tải, phát triển bền vững... tại các trường thuộc tại các quốc gia phát triển như Pháp, Anh, Mỹ, Đức... để nhận học vị Thạc Sĩ, Tiến Sĩ.

- Đối với các chương trình trong nước: Cử nhân của ngành hoàn toàn đủ điều kiện để tham gia các khóa học cao hơn ở các Trường đại học uy tín trong nước như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Thương mại... cho các ngành về: Quản trị kinh doanh, Thương mại, Giao nhận, Vận tải, Logistics và quản lý chuỗi cung ứng... Đặc biệt, tại Khoa Vận tải Kinh tế hiện nay đang đào tạo thạc sĩ các ngành Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Tổ chức quản lý vận tải nên cử nhân chuyên ngành Quản trị logistics có thể học lên cao học ngay sau khi ra trường.

VI. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

1. Tên chuyên ngành: Quản trị doanh nghiệp Bưu chính viễn thông

2. Chuẩn đầu ra chuyên ngành (về kiến thức)

(1) Kiến thức cơ bản

- Nắm vững nền tảng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia ngành quản trị kinh doanh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hiện đại;

- Hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới.

(2) Kiến thức chuyên sâu

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong ngành Bưu chính viễn thông;

- Nắm vững các kiến thức về các phương pháp, công cụ phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các hoạt động quản trị chuyên sâu tại các tổ chức, doanh nghiệp trong ngành Bưu chính viễn thông.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp Bưu chính viễn thông có thể làm cán bộ, chuyên viên quản trị tại các cơ quan nhà nước và các tổ chức từ trung ương đến địa phương, các loại hình doanh nghiệp trong ngành Bưu chính viễn thông;

- Cử nhân chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp Bưu chính viễn thông có thể làm nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn kinh tế trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế trong ngành Bưu chính viễn thông.

- Công việc có thể đảm nhiệm: lập kế hoạch, kế toán, thống kê, phân tích, marketing, quan hệ công chúng và chăm sóc khách hàng,....

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Cử nhân chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp Bưu chính viễn thông có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

